

**\TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HS-ST  
Ngày 19 tháng 9 năm 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bàn Văn Tiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Ngọc Khôi;

Bà Lương Thu Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 49/2022/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, tên gọi khác: Không; sinh ngày 06 tháng 12 năm 1987, tại huyện L, tỉnh B. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H và bà Tô Thị T; có vợ: Phạm Thị N1; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không có; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội trộm cắp tài sản tại bản án số: 32HS/ST ngày 20/8/2004, đến nay đã chấp hành xong, thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích theo Điều 70 BLHS; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 18/3/2022 cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 21 tháng 6 năm 1986, tại huyện L, tỉnh B. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Đồng Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa

bị kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 18/3/2022 cho đến nay, có mặt.

3. Đặng Văn N, tên gọi khác: Không; sinh ngày 26 tháng 02 năm 1992, tại huyện L, tỉnh B. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn D và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 18/3/2022 cho đến nay, có mặt.

*Bị hại:*

1. Ông Ngô Minh S, sinh năm 1983 Giám đốc; Đại diện Trung tâm viên thông huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Địa chỉ: Số H, Lương Thế V, Phường Hoàng Văn T, thành phố L, tỉnh L, có mặt.

2. Bà Hoàng Thu C, sinh năm 1984; Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quốc P – Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Mỹ Sơn.

Địa chỉ: Ngõ S, khối T, đường M, thành phố L, tỉnh L, có mặt.

3. Ông Vi Chí K, sinh năm 1982; Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang H – Giám đốc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4. Ông Lâm Văn T, sinh năm 1983 – Đại diện điểm trường K, xã H, huyện B, tỉnh L, vắng mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1986, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện C, tỉnh L, có mặt.

2. Chị Phạm Thị N1, sinh năm 1989, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh B.

3. Ông: Diêm Công N, sinh năm 1974, vắng mặt.

Địa chỉ: Số M, Ngõ M, đường K, Khối C, Phường V, thành phố L, tỉnh L

4. Ông Đồng Văn S, sinh năm 1961, có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh B.

5. Ông Đặng Văn D, sinh năm 1968, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh B.

*- Người làm chứng:*

Anh Nông Văn Đ, sinh năm 1991, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do đã từng tham gia lắp đặt thiết bị các Trạm thu phát sóng điện thoại ở trong Miền Nam, bị cáo Nguyễn Văn T biết được tại các trạm thu phát sóng có lắp đặt các dây tiếp địa có lõi bằng đồng có thể dùng kim cộng lực cắt lấy trộm được nên T đã khởi xướng việc trộm cắp và rủ các bị cáo Nguyễn Văn H, Đặng Văn N cùng đi tới các Trạm thu phát sóng điện thoại xem có sơ hở để lấy trộm đem về bán lấy tiền chia nhau thì bị cáo H và N đồng ý. Sau khi thống nhất, phân công nhiệm vụ từng người, từ ngày 10 tháng 3 năm 2022 đến ngày 17 tháng 3 năm 2022, theo sự chỉ đạo của Nguyễn Văn H, các bị cáo H, T, N đã 03 lần đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ với nhau trộm cắp được: 01 gầu máy xúc tại thôn Khuổi Tảng, xã Mẫu Sơn, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; 01 đồng hồ đo lưu lượng D100, 01 máy bơm nước Selton, 01 thiết bị khử khuẩn bằng đèn tia cực tím, 01 ống thép mạ kẽm DN100, 01 ống thép mạ kẽm DN65, 08 van gạt tay DN65, 03 van gạt tay DN100, 01 téc nước 1.500 lít, 01 van tay gạt DN50 tại Trạm bơm nước sạch thuộc thôn Nhân Lý, xã Bắc Thủy, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; 01 dây M95 tiếp địa dài 50m, 01 dây M95 acquy dài 20m, 01 dây M25 dài 100m, 01 dây M35 tiếp địa dài 50m tại Trạm phát sóng Vibra của Vinaphone huyện Tràng Định thuộc thôn Bắc Ái, xã Đề Thám, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn và 02 cánh cửa sắt tại thôn Khuổi Khuy, xã Hồng Phong, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Đến ngày 18/3/2022, hành vi phạm tội của Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T và Đặng Văn N bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tràng Định phát hiện, bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 87/KL-HĐĐGTS, ngày 20 tháng 3 năm 2022, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Tràng Định, kết luận: Giá trị 01 dây M95 tiếp địa dài 50m, 01 dây M95 acquy dài 20m, 01 dây M25 dài 100m, 01 dây M35 tiếp địa dài 50m bị xâm hại ngày 17 tháng 3 năm 2022 có tổng trị giá là 33.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 25a/KL-HĐĐGTS, ngày 23 tháng 5 năm 2022, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Tràng Định, kết luận: Giá trị 02 cánh cửa sắt khối lượng 30kg bị xâm hại ngày 17 tháng 3 năm 2022 trị giá là 225.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 05/KL-HĐĐGTS, ngày 06 tháng 5 năm 2022, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Lộc Bình, kết luận: Giá trị của chiếc gầu máy xúc bị xâm hại ngày 10 tháng 3 năm 2022 trị giá là 22.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 16/KL-HĐĐGTS, ngày 22 tháng 4 năm 2022, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Chi Lăng, kết luận: Giá trị 01 đồng hồ tổng đo lưu lượng D100, 01 máy bơm nước Selton, 01 thiết bị khử khuẩn bằng đèn tia cực tím, 01 đường ống thép mạ kẽm DN100, 01 đường ống thép mạ kẽm DN65, 08 van gạt tay DN65, 03 van gạt tay DN100, 01 téc nước 1,5m<sup>3</sup>, 01 van tay gạt DN50 bị xâm hại ngày 13 tháng 3 năm 2022 trị giá là 61.898.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T và Đặng Văn N xâm hại trong các vụ án trộm cắp xảy ra tại các huyện: Trảng Định, Bình Gia, Lộc Bình và Chi Lăng thuộc tỉnh Lạng Sơn nêu trên là 117.123.000 đồng.

Với nội dung sự việc trên, tại bản Cáo trạng số 45/CT-VKSTĐ ngày 30/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản, theo điểm a, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T và Đặng Văn N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, mục đích đi trộm cắp tài sản của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T và Đặng Văn N để chi tiêu bản thân cá nhân, ngoài ra không vì mục đích gì khác.

*Các bị hại:*

1. Ông Ngô Minh S - Giám đốc, đại diện Trung tâm viễn thông huyện Trảng Định trình bày tài sản của trạm viễn thông bị mất trộm các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn N đã bồi thường đầy đủ cho Trung tâm viễn thông, tại phiên tòa hôm nay ông Sơn đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

2. Bà Hoàng Thu C là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quốc P – Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Mỹ Sơn tham gia xét xử vẫn giữ nguyên yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T và Đặng Văn N liên đới bồi thường số tiền 22.000.000 đồng giá trị gầu máy xúc của công ty bị mất trộm, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

3. Ông Vi Chí K, đại diện bị hại theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang H - Giám đốc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lạng Sơn tham gia xét xử vẫn giữ nguyên yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T và Đặng Văn N liên đới bồi thường số tiền 56.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

4. Ông Lâm Văn T là trưởng thôn K, xã H, huyện B, tỉnh L đại diện bị hại (được giao quản lý điểm trường thôn K) yêu cầu Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T và Đặng Văn N liên đới bồi thường số tiền 1.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T2, có đơn xin xét xử vắng mặt, không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền mà chị T2 bỏ ra mua số dây đồng với các bị cáo, không yêu cầu lấy lại số dây đồng bị thu giữ. Ngày 25/7/2022 chị T2 tự nguyện nộp 870.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, đây là tiền do mua tài sản trộm cắp mà có chị không yêu cầu trả lại, mà nộp ngân sách Nhà nước;

Gia đình của 03 bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T và Đặng Văn N đã thỏa thuận bồi thường cho Trung tâm viễn thông huyện Trảng Định tổng số tiền là 130.000.000 đồng, sau khi biết việc thỏa thuận bồi thường không đúng với thực tế giá trị tài sản bị xâm hại nên gia đình của các bị cáo đã có đơn yêu cầu Trung tâm viễn thông huyện Trảng Định hoàn trả lại số tiền đã bồi thường vượt quá giá trị tài sản bị xâm hại.

Tại phiên tòa, gia đình của 03 bị cáo và Trung tâm viễn thông huyện Trảng Định đều xác nhận, gia đình các bị cáo đã nộp cho Trung tâm Viễn thông huyện Trảng Định với tổng số tiền là 130.000.000 đồng (là vượt quá giá trị thiệt hại thực tế của Trung tâm Viễn thông huyện Trảng Định 97.000.000 đồng) để khắc phục thiệt hại. Tại phiên tòa giữa các bị cáo, gia đình các bị cáo và những người bị hại, đại diện Công ty bị hại và Trung tâm Viễn thông huyện Trảng Định thống nhất thỏa thuận như sau:

Trung tâm Viễn Thông huyện Trảng Định – Đại diện là ông Ngô Minh S – Giám đốc, đã nhận của các bị cáo và gia đình các bị cáo tổng số tiền 130.000.000 đồng. Số tiền này, Trung tâm Viễn thông huyện Trảng Định – Đại diện là ông Ngô Minh S sẽ nhận bồi thường 40.000.000 đồng, số tiền thừa còn lại, ông Ngô Minh S có nghĩa vụ, trách nhiệm trả cho các bị hại sau: Trả cho Công ty cổ phần xây dựng Mỹ Sơn, tỉnh Lạng Sơn 22.000.000 đồng; Trả cho Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lạng Sơn 56.000.000 đồng; Trả cho ông Lâm Văn T đại diện điểm trường thôn K, xã H, huyện B, tỉnh L 1.000.000 đồng; Số tiền còn lại, trả cho các bị cáo số tiền án phí hình sự và toàn bộ án phí dân sự mà các bị cáo phải chịu; số còn thừa sẽ trả lại cho bị cáo Đặng Văn N.

Đối với anh Diêm Công N cho bị cáo H thuê căn nhà tại Yên Trạch làm xưởng cơ khí, hợp đồng thuê đã nhận đủ tiền, còn 01 téc nước, 01 van nước, 01 máy bơm nước thu tại xưởng không liên quan đến anh N, do vậy không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định trong phần tranh luận, vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản, áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; xử phạt bị cáo Đặng Văn N từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung vì các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các vật chứng tịch thu tiêu hủy gồm: 02 kim cộng lực; 02 mỏ lết; 01 cờ lê cũ; 02 đôi gang tay; 01 dao dọc giấy; 01 bao tải đựng dây cáp điện không có lõi bên trong, khối lượng 7,4kg.

Các vật chứng tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước là phương tiện liên lạc trong quá trình tổ chức trộm cắp cấp tài sản gồm: 02 chiếc điện thoại di động của Nguyễn Văn T; 01 chiếc điện thoại di động của Đặng Văn N; 01 chiếc điện thoại di động của Nguyễn Văn H; 01 bao tải đựng dây điện vỏ màu vàng, viền xanh, lõi bằng đồng có khối lượng 04 kg; 01 bao tải đựng dây cáp đồng có khối lượng 27kg; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen đỏ, Biển kiểm soát 14X1 – 023.17 xe đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn T.

Tích thu nộp ngân sách Nhà nước: số tiền 870.000 đồng của chị Nguyễn Thị Tuyên; số tiền 2.000.000 đồng của Nguyễn Văn H; số tiền 2.667.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn T; số tiền 800.000 đồng của Đặng Văn N.

Đối với 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98C – 229.10, số khung: 40AKGC000275; số máy: J2749564, xe đã qua sử dụng của Nguyễn Văn H là tài sản chung của vợ chồng nên cần tích thu  $\frac{1}{2}$  giá trị xe hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

Trả cho chị Phạm Thị N1  $\frac{1}{2}$  giá trị 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98C – 229.10, xe đã qua sử dụng kèm theo chìa khóa xe ô tô và các giấy tờ liên quan đến chiếc ô tô.

Trả cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 chùm chìa khóa gồm 07 chìa khóa các loại; 06 thanh kim loại màu trắng; 02 giá kim loại màu trắng; 02 máy khoan cầm tay và nhiều sợi dây điện; 01 ví giả da màu nâu bên trong có 01 căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe hạng B2; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 02 thẻ N1 hàng Vietcombank.

Trả cho Nguyễn Văn T gồm: 01 ví giả da màu vàng sẫm bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 thẻ ngân hàng DONGA Bank thẻ đa năng.

Trả cho Đặng Văn N gồm: 01 ví giả da màu nâu bên trong có 01 thẻ căn cước công dân; 01 thẻ ngân hàng MB; 01 giấy phép lái xe mô tô, đã bị hư hỏng và dán băng dính đen cố định ba cạnh; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C.

Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng trả lại các đồ vật tài sản gồm: 01 máy bơm nước nhãn hiệu Selton, 01 téc nước nhãn hiệu Tân á, 01 giá để téc nước, 01 van khóa nước DN50 cho Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lạng Sơn.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Công ty cổ phần xây dựng Mỹ Sơn số tiền 22.000.000 đồng; bồi thường cho Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lạng Sơn số tiền 56.000.000 đồng; bồi thường cho điểm trường thôn Khuổi Khuy, xã Hồng Phong, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn số tiền 1.000.000 đồng.

Công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo, gia đình các bị cáo, ông Ngô Minh S – Giám đốc Trung tâm viễn thông Vinaphone huyện Tràng Định và các bị hại khác cụ thể: các bị cáo bồi thường cho Trung tâm viễn thông huyện Tràng Định 40.000.000 đồng trong số 130.000.000 đồng mà gia đình các bị cáo đã nộp cho Trung tâm viễn thông huyện Tràng Định. Số tiền 90.000.000 đồng còn lại Ông Ngô Minh S có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần xây dựng Mỹ Sơn số tiền 22.000.000 đồng; trả cho Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lạng Sơn số tiền 56.000.000 đồng; trả cho điểm trường thôn Khuổi Khuy số tiền 1.000.000 đồng. Ông Ngô Minh S có trách nhiệm nộp thay các bị cáo các khoản án phí, số còn thừa trả lại cho bị cáo Đặng Văn N.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm về mức đề nghị hình phạt, xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự; các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng các bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt, xử cho bị cáo mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên huyện Trảng Định trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp; tại phiên tòa vắng mặt ông Lâm Văn T, là bị hại, vắng chị Nguyễn Thị T2, anh Diêm Công N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng anh Nông Văn Đ là người làm đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy vắng mặt chị Nguyễn Thị T2, anh Diêm Công N và anh Nông Văn Đ, không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi cấu thành tội phạm: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đồng thời hoàn toàn phù hợp với biên bản thu giữ đồ vật, phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đã từng tham gia lắp đặt thiết bị các Trạm thu phát sóng điện thoại ở trong Miền Nam, bị cáo Nguyễn Văn T biết được tại các trạm thu phát sóng có lắp đặt các dây tiếp địa có lõi bằng đồng có thể dùng kim cộng lực cắt lấy trộm được nên T đã khởi xướng việc trộm cắp và rủ các bị cáo Nguyễn Văn H, Đặng Văn N cùng đi tới các Trạm thu phát sóng điện thoại xem có sơ hở để lấy trộm đem về bán lấy tiền chia nhau thì bị cáo H và bị cáo N đồng ý. Sau khi thống nhất, phân công nhiệm vụ từng người, từ ngày 10 tháng 3 năm 2022 đến ngày 17 tháng 3 năm 2022, theo sự chỉ đạo của Nguyễn Văn H, các bị cáo H, T, N đã 03 lần đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ với nhau trộm cắp xảy ra tại các huyện: Trảng Định, Bình Gia, Lộc Bình và Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Tổng giá trị tài sản bị Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T và Đặng Văn N xâm hại trong các vụ án trộm cắp là 117.123.000 đồng. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó gây mất trật tự an ninh của địa phương, gây bất bình trong dư luận xã hội, đồng thời các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người

khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, chỉ đua đòi ăn chơi, mục đích trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền phục vụ lợi ích tiêu sài của bản thân nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T và Đặng Văn N tham gia với vai trò đồng phạm. Trong các lần đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, ba bị cáo H, T, N đã có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, mỗi bị cáo đều có nhiệm vụ cụ thể và không tách rời nhau dưới sự khởi xướng, cầm đầu của Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H là người thông thuộc địa bàn và là chủ phương tiện ô tô; trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều bàn bạc thống nhất với nhau và vạch ra kế hoạch để thực hiện; có sự luân phiên nhau thực hiện nhiệm vụ lái xe, canh giới, thực hiện trộm cắp và tiêu thụ tài sản trộm cắp được. Do đó hành vi đồng phạm của các bị cáo trong vụ án này thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Về vai trò trong vụ án thì bị cáo H là chủ mưu, bị cáo T đứng vai trò thứ hai, bị cáo N đứng vai trò thứ ba. Do vậy khi lượng hình mức án của các bị cáo sẽ khác nhau.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn H có có nhân thân xấu, có 01 tiền án đã được xóa án tích; bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Đặng Văn N lần đầu bị xử lý hình sự, chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân đây là tình tiết giảm nhẹ mà cả ba bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình giải quyết vụ án gia đình của bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn T mỗi gia đình đã bồi thường thiệt hại cho Trung tâm viễn thông Vinaphone huyện Trảng Định số tiền 40.000.000 đồng, gia đình bị cáo Đặng Văn N đã bồi thường thiệt hại cho Trung tâm viễn thông Vinaphone huyện Trảng Định số tiền 50.000.000 đồng, thực tế tài sản trộm cắp của Trung tâm viễn thông Vinaphone huyện Trảng Định trị giá 33.000.000 đồng. Do vậy số tiền các bị cáo nộp vượt số tiền định giá. Tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho Trung tâm viễn thông Vinaphone huyện Trảng Định là 7.000.000 đồng. Tổng cộng là 40.000.000 đồng; số tiền nộp vượt còn 90.000.000 đồng, số tiền này các bị cáo và gia đình thống nhất thỏa thuận với ông Ngô Minh S – Giám đốc Trung tâm viễn thông Vinaphone huyện Trảng Định và các bị hại khác cụ thể: ông S phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Quốc P, đại diện bị hại - Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Mỹ Sơn số tiền 22.000.000 đồng; trả cho ông Nguyễn Quang H đại diện bị hại (Giám đốc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lạng Sơn) số tiền 56.000.000 đồng; trả cho ông Lâm Văn T đại diện bị hại (được giao quản lý điểm trường thôn K) số tiền 1.000.000 đồng tổng số tiền phải bồi thường hết 79.000.000 đồng và nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí sản sự có giá ngạch cho các bị cáo hết 4.550.000 đồng. Tổng ông S phải chi trả 83.550.000 đồng, số tiền còn thừa 6.450.000 đồng trả lại cho bị cáo Đặng Văn N. Do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn T có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T1 được Thủ

tướng chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt, tù đầy; Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba và Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhất; Bị cáo Đặng Văn N trong quá trình tham gia Nghĩa vụ quân sự được tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến nên các bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Từ đánh giá trên khi lượng hình cần xem xét nhân thân của từng bị cáo để ra mức án tương xứng với hành vi của từng bị cáo gây ra. Cần xử phạt cách ly các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn N ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bản thân các bị cáo không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[9.1] Tịch thu tiêu hủy: 02 kim cộng lực; 02 mỏ lết; 01 cò lê; 02 đôi găng tay; 01 dao dọc giấy; 01 bao tải đựng dây cáp điện không có lõi bên trong, khối lượng 7,4kg.

[9.2] Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước là phương tiện liên lạc trong quá trình tổ chức trộm cắp tài sản gồm: 02 chiếc điện thoại di động của Nguyễn Văn T; 01 chiếc điện thoại di động của Đặng Văn N; 01 chiếc điện thoại di động của Nguyễn Văn H; 01 bao tải đựng dây điện vỏ màu vàng, viền xanh, lõi bằng đồng có khối lượng 04 kg; 01 bao tải đựng dây cáp đồng có khối lượng 27kg; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen đỏ, Biển kiểm soát 14X1 – 023.17 xe đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn T; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 870.000 đồng của chị Nguyễn Thị Tuyên; số tiền 2.000.000 đồng của Nguyễn Văn H; số tiền 2.667.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn T; số tiền 800.000 đồng của Đặng Văn N. Đối với 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98C – 229.10 xe đã qua sử dụng của Nguyễn Văn H là tài sản chung của vợ chồng nên cần tịch thu  $\frac{1}{2}$  giá trị xe hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

[9.3] Trả cho chị Phạm Thị N1 (vợ của bị cáo H)  $\frac{1}{2}$  giá trị 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98C – 229.10, xe đã qua sử dụng kèm theo chìa khóa xe ô tô và các giấy tờ liên quan đến chiếc ô tô gồm: Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô; 01 giấy kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; 01 hợp đồng cầm cố tài sản (dành cho khách hàng), phụ lục hợp đồng, bản cam kết, lịch thanh toán của Nguyễn Văn H với công ty cổ phần kinh doanh F88; 01 giấy xác nhận của công ty cổ phần kinh doanh F88 và bản photo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; trả cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 chùm chìa khóa gồm 07 chìa khóa các loại; 08 thanh kim loại màu trắng; 02 máy khoan cầm tay và nhiều sợi dây điện; 01 ví giả da màu nâu bên trong có 01 căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe hạng B2; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 02 thẻ ngân hàng Vietcombank; trả cho Nguyễn Văn T gồm: 01 ví giả da bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy phép

lái xe hạng A1; 01 thẻ ngân hàng DONGA Bank thẻ đa năng; trả cho Đặng Văn N gồm: 01 ví giả da bên trong có 01 thẻ căn cước công dân; 01 thẻ ngân hàng MB; 01 giấy phép lái xe mô tô, đã bị hư hỏng; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu của ông Nguyễn Quốc P, Nguyễn Quang H, Lâm Văn T đưa ra là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên Tòa bản thân các bị cáo và gia đình các bị cáo đã thỏa thuận với ông Ngô Minh S – Giám đốc Trung tâm viễn thông huyện Trảng Định cụ thể: ông Ngô Minh S nhận 40.000.000 đồng tiền các bị cáo bồi thường cho Trung tâm viễn thông huyện Trảng Định; ngoài ra còn thừa 90.000.000 đồng trong số tiền mà gia đình các bị cáo đã nộp trước đó cho Trung tâm viễn thông huyện Trảng Định, ông S có có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Quốc P, đại diện bị hại - Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Mỹ Sơn số tiền 22.000.000 đồng; Trả cho ông Nguyễn Quang H đại diện bị hại (Giám đốc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lạng Sơn) số tiền 56.000.000 đồng; trả cho cho ông Lâm Văn T đại diện bị hại (được giao quản lý điểm trường thôn K) số tiền 1.000.000 đồng và nộp tiền án phí hình sự và án phí dân sự cho các bị cáo, số tiền còn thừa ông S phải trả lại cho bị cáo Đặng Văn N. Sự thỏa thuận trên bên Công ty cổ phần xây dựng Mỹ Sơn và Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lạng Sơn nhất trí. Sự thỏa thuận giữa các bên không trái quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T và Đặng Văn N còn thừa nhận ngoài các lần trộm cắp nói trên, cả ba còn được nhiều cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể: Vào các ngày 07 tháng 3 năm 2022 đã lấy trộm tài sản tại Trạm phát sóng điện thoại thuộc thôn Hòa Cư, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; ngày 09 tháng 3 năm 2022 lấy trộm tài sản tại Trạm phát sóng điện thoại thuộc xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; ngày 15 tháng 3 năm 2022 lấy trộm tài sản tại xã Đồng Bục, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn và ngày 16 tháng 3 năm 2022 lấy trộm tài sản tại Trạm phát sóng điện thoại thuộc thôn Bắc Nga, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Các vụ trộm này hiện đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc, Lộc Bình và Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 - Bộ Quốc phòng điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với Nguyễn Thị T2 là người tiêu thụ số tài sản trộm cắp được của các bị cáo. Qua điều tra xác định T2 không biết tài sản mà Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T và Đặng Văn N đem bán do trộm cắp mà có nên không cấu thành tội phạm. Đối với ông Diêm Công N không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T và Đặng Văn N nên không xem xét, xử lý.

[13] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, đối với các bị cáo phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, nên được chấp nhận.

[14] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T và Đặng Văn N bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn N;

Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 587, Điều 589; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**2. Về hình phạt:**

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày 18/3/2022.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn tính từ ngày 18/3/2022.

2.3. Xử phạt bị cáo Đặng Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày 18/3/2022.

**3. Hình phạt bổ sung:** Không áp dụng.

**4. Xử lý vật chứng:**

4.1. Tịch thu tiêu hủy: 02 kim cộng lực, đã qua sử dụng; 02 mỏ lết, đã qua sử dụng; 01 cờ lê cũ, đã qua sử dụng; 02 đôi găng tay bằng vải màu đỏ, đen, đã qua sử dụng; 01 dao dọc giấy màu trắng đã qua sử dụng; 01 bao tải đựng dây cáp điện màu đen, dây điện màu vàng viền xanh, dây cáp điện màu đỏ không có lõi bên trong, khối lượng 7,4kg.

4.2. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước gồm: Tịch thu thu ½ giá trị 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98C – 229.10, số khung: 40AKGC000275; số máy: J2749564, xe đã qua sử dụng của Nguyễn Văn H là tài sản chung của vợ chồng; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu xanh lam, số IMEI1: 356938143554179/01 của Đặng Văn N; 01 điện thoại nhãn hiệu ITTEL, vỏ màu đen, số IMEI1: 358625106892344 và 01 điện thoại nhãn hiệu SONY XPERIA, vỏ

màu xám, số IMEI1:353652092799627, điện thoại đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu đen, số IMEI1: 355289668284474/01, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn H; 01 bao tải đựng dây điện vỏ màu vàng, viền xanh, lõi bằng đồng có khối lượng 04 kg; 01 bao tải đựng dây cáp đồng có khối lượng 27kg; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen đỏ, Biển kiểm soát 14X1 – 023.17; số khung: RLCS5C630BY512367; số máy 5C63-512424, xe đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn T.

4.3. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 870.000 đồng của chị Nguyễn Thị Tuyên (theo biên lai thu tiền số AA/2021/0006654 ngày 25/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn); 01 phong bì đựng số tiền 2.667.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn T được niêm phong theo quy định; 01 phong bì thư đựng số tiền 2.000.000 đồng của Nguyễn Văn H, được niêm phong theo quy định; 01 phong bì thư đựng số tiền 800.000 đồng của Đặng Văn N, được niêm phong theo quy định. (toàn bộ tiền trên liên quan đến việc phạm tội mà có)

4.4. Trả cho chị Phạm Thị N1 ½ giá trị 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98C – 229.10, số khung: 40AKGC000275; số máy: J2749564, xe đã qua sử dụng kèm theo chìa khóa xe ô tô và các giấy tờ liên quan đến chiếc ô tô gồm: Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số DK20/0000797; 01 giấy kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, No: KD 5503268; 01 hợp đồng cầm cố tài sản (dành cho khách hàng) số: HDCC/LSN0318/2107/100, phụ lục hợp đồng, bản cam kết, lịch thanh toán của Nguyễn Văn H với công ty cổ phần kinh doanh F88; 01 giấy xác nhận của công ty cổ phần kinh doanh F88 và bản photo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

4.5. Trả cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 chùm chìa khóa gồm 07 chìa khóa các loại; 06 thanh kim loại màu trắng; 02 giá kim loại màu trắng; 02 máy khoan cầm tay và nhiều sợi dây điện; 01 ví giả da màu nâu bên trong có 01 căn cước công dân số 0240087021571; 01 giấy phép lái xe hạng B2, số 270177020675; 01 giấy chứng minh nhân dân số 121929744; 01 thẻ bảo hiểm y tế, mã số GB4242420523366; 01 thẻ Vietcombank số 9704366815992849015; 01 thẻ Vietcombank số 4283106832339639.

4.6. Trả cho bị cáo Nguyễn Văn T gồm: 01 ví giả da màu vàng sẫm bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân số 121607185; 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 750154010681; 01 thẻ DONGA Bank thẻ đa năng, số 970406131100097

4.7. Trả cho bị cáo Đặng Văn N gồm: 01 ví giả da màu nâu bên trong có 01 thẻ căn cước công dân số 024092019172; 01 thẻ N1 hàng MB, số 97042293b3524104; 01 giấy phép lái xe số AU 855203, đã bị hư hỏng và dán băng dính đen cố định ba cạnh; 01 giấy phép lái xe hạng C.

4.8. Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng trả lại các đồ vật tài sản gồm: 01 máy bơm nước nhãn hiệu Selton, 01 téc nước nhãn hiệu Tân á, 01 giá để téc nước, 01 van khóa nước DN50 cho Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lạng Sơn.

(Chi tiết vật chứng trên theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn

ngày 30/8/2022).

5. Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo, gia đình các bị cáo, ông Ngô Minh S – Giám đốc Trung tâm viễn thông Vinaphone huyện Trảng Định và các bị hại khác cụ thể: Ông Ngô Minh S có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Quốc P, đại diện bị hại - Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Mỹ Sơn số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng; trả cho ông Nguyễn Quang H đại diện bị hại (Giám đốc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lạng Sơn) số tiền 56.000.000 (năm mươi sáu triệu) đồng; trả cho ông Lâm Văn T đại diện bị hại (được giao quản lý điểm trường thôn K, xã H, huyện B, tỉnh L) số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng và nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch cho các bị cáo tổng cộng 4.550.000 (bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng. Tổng cộng hết 83.550.000 (tám mươi ba triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng, số tiền còn thừa 6.450.000 (sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng trả lại cho bị cáo Đặng Văn N.

Kể từ khi án có hiệu lực, bị hại, đại diện bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Xác nhận các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn N đã bồi thường đầy đủ số tiền 40.000.000 đồng cho ông Ngô Minh S – Giám đốc Trung tâm viễn thông huyện Trảng Định.

6. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải chịu mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.317.000 (một triệu ba trăm mười bảy nghìn) đồng án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 1.517.000 (một triệu năm trăm mười bảy nghìn) đồng nộp ngân sách Nhà nước; bị cáo Đặng Văn N phải phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.316.000 (một triệu ba trăm mười sáu nghìn) đồng án phí dân sự có giá ngạch. Tổng bị cáo N phải chịu 1.516.000 (một triệu năm trăm mười sáu nghìn) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Toàn bộ số tiền án phí nêu trên ông Ngô Minh S – Giám đốc Trung tâm viễn thông huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn, có trách nhiệm nộp thay cho các bị cáo.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn N, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đại diện bị hại ông Lâm Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- Công an huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định;
- Bị cáo (qua nhà tạm giữ);
- Bị hại; đại diện bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bàn Văn Tiễn**



